

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày: 23/01/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung T Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Minh

2. Ông Nguyễn T Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Gia Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2023/TLST-DS ngày 21/6/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 109/2023/QĐ-GHXX ngày 23/10/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-DS ngày 20/12/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 04/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A Việt Nam do ông PRART JETJUMNONG - Chức vụ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hội sở: Số 928 Lạc Long Quân, phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: Số 53 đường Tôn Đức Thắng, phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của ông PRART JETJUMNONG:

Ông Lưu Quang Hiến – sinh năm 1981 (vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: Số 624 Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Nguyễn Văn T - sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thuận Điền, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2023 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH A ủy quyền cho ông Lưu Quang Hiến trình bày: Ngày 09/12/2020, ông Nguyễn Văn T đến Chi nhánh của Công ty TNHH A Việt Nam tại Phan Thiết ký hợp đồng cầm cố tài sản số: PHM201201023NA20X cầm cố 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-801.14; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 059211 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/5/2020; loại xe HondaVision màu đỏ đen để lấy 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); lãi suất 1,1%/tháng; thời hạn cầm cố 18 tháng từ 09/12/2020 đến ngày 09/6/2022; hàng tháng trả 1.724.317đ vào ngày 09 hàng tháng. Ngày 09/12/2020 ông Nguyễn Văn T mượn xe mô tô trên hạn đến ngày 09/01/2021 trả xe nhưng không trả. Trong quá trình trả nợ thì ông T trả 02 kỳ được 3.450.527đ, trong đó tiền gốc là 1.444.555đ và tiền lãi 2.005.972đ. Số tiền gốc còn lại 18.555.445đ Công ty A Việt Nam có đòi nợ nhiều lần nhưng ông T không trả. Nay Công ty TNHH A Việt Nam yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả tiền gốc là 18.555.445đ và lãi trong hạn từ ngày 09/02/2021 đến ngày 09/6/2022 là 7.137.043đ và lãi quá hạn từ ngày 10/6/2022 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/01/2024 là 7.137.043đ, tổng cộng gốc và lãi là **32.829.531đ**.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T không T toán số tiền trên thì ông T phải giao trả 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-801.14; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 059211 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/5/2020; loại xe HondaVision màu đỏ đen cho Công ty TNHH A Việt Nam để T toán nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T có tình vắng mặt nên không trình bày gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A Việt Nam, buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Công ty TNHH A Việt Nam tiền gốc là 18.555.445đ và tiền lãi là 14.274.086đ, tổng cộng 32.829.531đ (ba mươi hai triệu tám trăm hai mươi chín ngàn năm trăm ba mươi một đồng). Trường hợp ông Nguyễn Văn T không thi hành được khoản tiền nêu trên thì Công ty TNHH A Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-801.14; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 059211 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/5/2020; loại xe HondaVision màu đỏ đen. Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm giao lại 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-801.14; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 059211 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/5/2020; loại xe HondaVision màu đỏ đen cho Cơ quan thi hành án dân sự để thực hiện thủ tục bán xe thu hồi nợ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của ông Nguyễn Văn T không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông T đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-DS ngày 23/10/2023 đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty TNHH A Việt Nam có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ nên Công ty TNHH A Việt Nam cho ông T vay tiền có cầm cố tài sản xảy ra tranh chấp nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Căn cứ Hợp đồng cầm cố tài sản số: PHM201201023NA20X ngày 09/12/2020 thì ông Nguyễn Văn T ký hợp đồng với Công ty TNHH A Việt Nam để cầm cố 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-801.14; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 059211 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/5/2020; loại xe Honda Vision màu đỏ đen để lấy 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); lãi suất 1,1%/tháng; thời hạn cầm cố 18 tháng từ 09/12/2020 đến ngày 09/6/2022. Vì vậy có đủ cơ sở xác định hợp đồng cầm cố giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật, đến hạn trả nợ ông Nguyễn Văn T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình mà chỉ trả 02 kỳ được 3.450.527đ, trong đó tiền gốc là 1.444.555đ và tiền lãi 2.005.972đ. Còn lại tiền gốc 18.555.445đ Công ty A Việt Nam có đòi nợ nhiều lần nhưng ông T không trả. Nay Công ty TNHH A Việt Nam yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả tiền gốc là 18.555.445đ và lãi trong hạn từ ngày 09/02/2021 đến ngày 09/6/2022 là 7.137.043đ, lãi quá hạn từ ngày 10/6/2022 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/01/2024 là 7.137.043đ, tổng cộng gốc và lãi là **32.829.531đ** là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Công ty TNHH A Việt Nam yêu cầu ông Nguyễn Văn T giao 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-801.14; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 059211 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/5/2020; loại xe Honda Vision màu đỏ đen để T toán nợ Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Mục 4 Phần I: Xử lý tài sản cầm cố của Bản lưu ý cho khách hàng ngày 09/12/2020 quy định: “*Bên B (Nguyễn Văn T) thỏa thuận rằng nếu không trả nợ gốc, tiền lãi, tiền phí đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng này tại kỳ T toán đầu tiên và bất cứ kỳ T toán nào tiếp theo thì Bên B đồng ý để cho Bên A có quyền xử lý tài sản theo quyết định của bên A bao gồm ... b.*

Bên B bằng hợp đồng này ủy quyền và trao toàn quyền cho Bên A bán hoặc chuyển giao tài sản cầm cố theo cách thức, giá cả do Bên A tự quyết định như thể Bên A là chủ tài sản cầm cố”. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 314 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Bên nhận cầm cố có quyền xử lý tài sản cầm cố theo phương thức đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật”. Do đó, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản cầm cố trong trường hợp không thực hiện được theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là thỏa đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A Việt Nam được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên Công ty TNHH A Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH A Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 690.000đ (Sáu trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019510 ngày 21/6/2023.

Do ông Nguyễn Văn T buộc phải trả tiền nợ là **32.829.531đ** cho Công ty TNHH A Việt Nam vì vậy ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là **1.641.000đ** (32.829.531 x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 309, Điều 310, Điều 312, khoản 2 Điều 314 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2.Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A Việt Nam, buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Công ty TNHH A Việt Nam tiền gốc là 18.555.445đ và tiền lãi là 14.274.086đ, tổng cộng **32.829.531đ** (ba mươi hai triệu tám trăm hai mươi chín ngàn năm trăm ba mươi một đồng).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T không thi hành được khoản tiền nêu trên thì Công ty TNHH A Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu

giá 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-801.14; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 059211 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/5/2020; loại xe HondaVision màu đỏ đen. Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm giao lại 01 xe mô tô 02 bánh biển số 86B3-801.14; chứng nhận đăng ký xe mô tô số 059211 do Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 27/5/2020; loại xe HondaVision màu đỏ đen cho Cơ quan Thi hành án dân sự để thực hiện thủ tục bán xe thu hồi nợ.

3. Về án phí, lệ phí: Căn cứ: Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty TNHH A Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty TNHH A Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 690.000đ (Sáu trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019510 ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **1.641.000đ** (một triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH A Việt Nam và bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung T Quang